

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 392/2018/DS-ST

Ngày: 31/8/2018

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Thung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đăng

2. Ông Trần Nguyên Thao

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyên Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 31/8/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 427/2017/TLST-DS ngày 11/10/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2018/QĐXXST-DS ngày 27/7/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 229/2018/QĐST – DS ngày 14/8/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên C

Trụ sở: Tầng G, 8 và 10 Tòa nhà Phụ Nữ, số 20 đường V, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà Hà Đô, 02 Đường K, Phường R, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Trần Thị Cẩm N, sinh năm 1965

Địa chỉ: số nhà 325 đường H, Khu phố G, phường M, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 7 năm 2017 của nguyên đơn Công ty tài chính TNHH MTV C và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Ngày 28/7/2013, Công ty TNHH một thành viên tài chính P nay là Công ty tài chính TNHH MTV C (gọi tắt là công ty tài chính) và bà Trần Thị Cẩm N có ký hợp đồng tín dụng trả góp số 2300547797 với nội dung Công ty tài chính đồng ý cho bà N vay số tiền 33.669.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay: 24 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất vay: 6%/tháng. Phương thức thanh toán: trả góp hàng tháng bắt đầu từ ngày 01/9/2013, số tiền trả góp hàng tháng 2.696.000 đồng. Tổng số tiền bà N phải thanh toán là 64.704.000 đồng. Cùng ngày Công ty tài chính đã giải ngân số tiền 33.669.000 đồng cho bà N (trong đó giao tiền mặt 30.000.000 đồng và thanh toán phí bảo hiểm 3.669.000 đồng). Thực hiện hợp đồng, bà N đã thanh toán tiền cho Công ty tài chính không đúng quy định, tính đến ngày 04/6/2018 sau nhiều đợt thanh toán thì tổng số tiền bà N đã thanh toán là 34.922.000 đồng. Kể từ ngày 05/6/2018 đến nay bà N không thanh toán khoản nào khác mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở. Nay ông Phạm Ngọc L đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty tài chính TNHH MTV C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bà Trần Thị Cẩm N phải thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày đáo hạn hợp đồng 01/9/2015 số tiền 30.532.000 đồng (trong đó số tiền chưa thanh toán theo hợp đồng là 29.782.000 đồng và tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán 750.000 đồng). Yêu cầu bà N thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 09/4/2018 bị đơn bà Trần Thị Cẩm N trình bày: Bà thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng với Công ty TNHH một thành viên tài chính P để vay số tiền 33.669.000 đồng theo phương thức thanh toán trả góp hàng tháng với số tiền 2.696.000 đồng bắt đầu từ ngày 01/9/2013 trong thời gian 24 tháng. Thực hiện hợp đồng bà N đã thanh toán được 34.922.000 đồng, đến nay bà còn nợ Công ty tài chính TNHH MTV C 30.532.000 đồng, trong đó số tiền chưa thanh toán theo hợp đồng là 29.782.000 đồng và tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán 750.000 đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh đang gặp khó khăn nên bà chỉ đồng ý trả phần nợ gốc còn lại là 547.000 đồng, số tiền nợ lãi và tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán 29.985.000 đồng bà đề nghị Công ty tài chính xem xét miễn thanh toán.

Tại phiên tòa, ông Phạm Ngọc L đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty tài chính TNHH MTV C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Trần Thị Cẩm N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Tòa án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ lời khai của phía nguyên đơn và sự thừa nhận của phía bị đơn, có cơ sở xác định nguyên đơn đã cho bị đơn vay số tiền 33.669.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 34.922.000 đồng và còn nợ lại số tiền 30.532.000 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho công ty tài chính. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại quận Thủ Đức nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bà Trần Thị Cẩm N phải thanh toán khoản nợ vay, do đó không cần đưa những người thân khác của bà N tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Xét giấy ủy quyền số 2300547797/2017/GUQ-HC ngày 20/7/2017 của Công ty TNHH một thành viên tài chính PPF Việt Nam ủy quyền cho ông Phạm Ngọc L tham gia tố tụng tại tòa án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét, ông Phạm Ngọc L đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Trần Thị Cẩm N đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Căn cứ lời khai của phía nguyên đơn và sự thừa nhận của phía bị đơn, có cơ sở xác định nguyên đơn đã cho bị đơn vay số tiền 33.669.000 đồng (trong đó vay tiền mặt 30.000.000 đồng và thanh toán phí bảo hiểm 3.669.000 đồng), thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 6%/tháng, số tiền trả góp hàng tháng 2.696.000 đồng theo hợp đồng tín dụng trả góp số 2300547797 ngày 28/7/2013.

Xét, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn nhiều lần với số tiền 34.922.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi, đến nay do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ vay nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ là 30.532.000 đồng, trong đó số tiền chưa thanh toán theo hợp đồng là 29.782.000 đồng và tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán 750.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Đối với đề nghị của bị đơn do đang gặp hoàn cảnh khó khăn yêu cầu chỉ thanh toán số tiền 547.000 đồng và yêu cầu được miễn số tiền nợ lãi và tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán 29.985.000 đồng không được phía nguyên đơn chấp nhận nên căn cứ các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trả góp số 2300547797 bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a, Khoản 1 Điều 39; Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH một thành viên tài chính P nay là Công ty tài chính TNHH MTV C về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Trần Thị Cẩm N;

Bà Trần Thị Cẩm N có trách nhiệm thanh toán cho Công ty tài chính TNHH MTV C số tiền nợ vay 30.532.000 (ba mươi triệu năm trăm ba mươi hai ngàn) đồng, trong đó số tiền chưa thanh toán theo hợp đồng là 29.782.000 đồng và tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ thanh toán 750.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự trên số tiền nợ gốc chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Cẩm N phải chịu 1.526.600 (một triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn sáu trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty tài chính TNHH MTV C được nhận lại 863.300 (tám trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0037177 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7 a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- CCTHADS Q.Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Trương Văn Thung

